

Đi Tìm Bản Sắc Văn Hóa Nam Bộ

Lê Đình Bích

Nhà văn Pháp Ed. Herriot viết: Văn hóa là những gì còn sót lại khi người ta đã quên đi tất cả những điều đã học. Định nghĩa sâu sắc này hoàn toàn phù hợp với tuệ giác phương Đông:

Bốn mùa hoa đều nở
Chè cây hoa ở đâu

Đó là bình diện tiềm ẩn (bản môn). Tuy nhiên, trên mặt biểu hiện (tích môn), chiếc bàn văn hóa có bốn chân: Vật chất, xã hội, tinh thần, tâm linh. Trong đó ta thấy rõ hai mối quan hệ vật chất - xã hội (đại vũ trụ - quần thể) và tinh thần - tâm linh (tiểu vũ trụ - cá thể) gắn bó mật thiết với thân và tâm làm nên bản sắc văn hóa của một cộng đồng.

Bài viết này dựa trên những tư liệu thực tế thu thập được trong nhiều năm dưới cái nhìn của văn hóa học (Culturology) nhằm khẳng định quan điểm của người viết về sự tồn tại của một bản sắc văn hóa Nam Bộ độc lập trên tất cả mọi bình diện.

1. Đồng bằng hay Châu Thổ

Châu thổ là vạt cát bồi ở cửa sông, là tam giác do phù sa bồi đắp (hoàn toàn không có núi (lũ) hay đồng bằng (lụt) mà chỉ có chế độ nhật triều, nguyệt triều và niên triều nghĩa là mỗi ngày có hai con nước là con nước lớn và con nước ròng, mỗi tháng có hai con nước là con nước rong/con nước kém và mỗi năm có một mùa nước nổi tràn ngập các cánh đồng. Do vậy, gọi Nam Bộ là đồng bằng sông Cửu Long là không chính xác, càng không chính xác khi sử dụng cụm từ “sống chung với lũ”. Lũ chỉ có miền núi và lụt chỉ có ở vùng đồng bằng núi/sông đứng kề nhau. Những thiệt hại do lũ và lụt gây ra hoàn toàn khác với những lợi ích do mùa nước nổi mang đến. Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong, dùng sai tên gọi sẽ dẫn đến sai lầm về đối sách! Những tổn thất về người vào mùa nước nổi là do bất cẩn, nạn nhân phần lớn là trẻ em.

Mùa nước nổi là một nhịp điệu tuần hoàn hàng năm có thể phòng tránh, không phải là thiên tai (xảy đến bất ngờ không báo trước).

2. Thiết chế xã hội

Do điều kiện địa lý tự nhiên phân bố ở một vùng tam giác châu (Mekong Delta) rất thuận lợi về mặt giao thông đường thủy, nên xuất phát điểm của văn hóa miệt vườn là văn hóa đi thuyền:

Con nước lớn cha chống xuồng
Con nước ròng mẹ nhóm bếp cà ràng đợi gió
Con nước rong chảy tràn mùa nước nổi
Vàng bông điên điên Châu Giang
Ai đến Văn Lang, ai về Nam Phố
Con nước kém ai dừng lại bên bờ Châu Thổ
Gác dầm nghe câu hát lao lung

Người Pháp khi thiết lập bộ máy hành chính ở Nam Bộ đã hoàn toàn dựa vào tự nhiên. Khoảng cách phù hợp tối ưu giữa các thị xã là khoảng 60 km, và giữa hai thị xã bao giờ cũng có một thị trấn sầm uất để xe cộ dừng lại nghỉ ngơi. Điều đáng chú ý ở đây là khoảng cách được tính từ nhà bưu chính trung tâm vì giao thông liên lạc là huyết mạch của thiết chế xã hội.

Ta biết rằng mỗi guồng máy đô thị được cân bằng bởi hai nền tảng: Hành chính và thương mại. Trong đó chức năng hành chính là chủ đạo. Mất chức năng hành chính đô thị sẽ co lại, suy thoái hoặc tiêu biến. Kinh nghiệm nhập tỉnh đã chứng minh điều ấy: Sóc Trăng, Bạc Liêu, Trà Vinh... trong một thời gian dài mất chức năng hành chính (đơn vị hành chính tập trung về Cần Thơ, Cà Mau, Vĩnh Long...) đã không thể phát triển đồng bộ được.

3. Thiết chế ngôn ngữ - địa danh

Cứ mỗi lần qua đèo Hải Vân hùng vĩ hướng về Nam, tôi lại nhớ đến điệu hát bài chòi nao lòng, bi tráng. Điệu hát đã ăn vào máu thịt của những người Nam Trung Bộ của một vùng đất địa đầu, mở đầu cho cuộc khẩn hoang lập nước - một vùng phương ngữ bình dân, khảng khái, rắn rỏi, chềnh vênh.

Những nhà ngôn ngữ học thường có cái nhìn theo phân kỳ địa lý, chia đất nước làm ba miền: Bắc, Trung, Nam. Rồi gọi tên giọng nói của mỗi miền theo cách phân chia ấy: giọng Bắc, giọng miền Trung, giọng Nam Bộ.

Sự thực thì chỉ hai phương ngữ mà thôi: Từ Thuận Hoá trở ra Bắc là phương ngữ Bắc Bộ, từ Quảng Nam trở về Cà Mau là phương ngữ Nam Bộ.

Một ngàn năm Bắc thuộc và một ngàn năm sử dụng chữ Nho làm quốc tự đã để lại những địa danh gắn với lịch sử giữ nước hào hùng: Văn Lang, Giao Chỉ, Hoa Lư, Đông Đô, Hải Phòng, Thăng Long, Hà Nội, Thanh Hóa, Thừa Thiên...

Cho đến vua Trần Nhân Tông, sau khi toàn thắng quân Nguyên - Mông đã gả công chúa Huyền Trân về làm dâu Chiêm quốc - một trang sử mới bắt đầu, mở màn cho sự hình thành một vùng phương ngữ hòa bình, đa dân tộc. Người ta bắt đầu gọi bên ni, bên tê thay cho bên này, bên kia (ni và tê vốn là tiếng nói của người Chăm: cà ni, cà tê).

Từ đây, những tên đất bắt đầu rời khỏi cung đình, rời khỏi cách đặt tên từ chương của những nhà nho lập thân chính trị. Và Đà Nẵng, Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết, Cam Ranh... - những nốt nhạc không lời cất lên từ sự kết hợp hài hòa giữa hai tiếng nói Việt - Chăm !

Nha Trang ngày về
Mình tôi trên bãi khuya...

Không thể nói hết sự xúc động của tôi về tên đất, tên biển mỗi lần dừng chân ghé lại nơi này - có lẽ Nha Trang là nốt nhạc tuyệt vời nhất trong những nốt nhạc của bản trường ca trầm hùng ven dải đất miền Trung!

Có một số nhà tầm nguyên học, suốt đời mọ mọ đi tìm nguồn gốc, ý nghĩa của địa danh. Họ đâu biết rằng đó là một việc làm vô ích - đặt lời ca cho những bản nhạc không lời bí ẩn quyến rũ, cao sang: Trà Kiệu, Đồ Bàn, Faifo, Sài Gòn, Phong Dinh, Hà Tiên, Rạch Giá...

Ghe ai mũi đỏ, xanh lườn
Phải ghe Gia Định xuống vườn thăm em

Bỏ lại hành trình đi bộ nhọc nhằn trường kỳ ven biển, giờ đây đoàn người mở đất đã có sẵn những con đường thủy thênh thang do đất trời ban tặng. Từ Sài Gòn, tàu thuyền có thể thông thương chín cửa Cửu Long!

Trên đường về Trà Vinh, mảnh đất cuối trời Nam Bộ, tôi mời bạn đi qua một cây cầu có tên là Mây Túc.

Vì sao Mây Tức? Mây là mây, còn Tức là gì? Tức tiếng Khmer là nước. Ngôn ngữ bình đẳng đến lạ lùng! Ở đây cư dân Khmer và Việt chung sống. Cái tên cầu cũng được chia hai: anh một chữ và tôi một chữ! Mây Tức nghĩa là Mây Nước, nhưng nó hay hơn Mây Nước rất nhiều vì nó bí ẩn!

Xe lên cầu, bạn hãy nhìn xuống dòng sông: Mây trời soi trong lòng nước. Đẹp lắm! Đẹp lạ lùng như tên gọi.

Người về giồng dừa qua trường
Bóng in Mây Tức để buồn cho ai!

Bây giờ bạn cùng tôi ngược thuyền về Châu Đốc, theo bước chân khấn hoang của danh tướng Thoại Ngọc Hầu. Nơi ngã ba đầu nguồn châu thổ chia dòng sông Mekong làm hai nhánh sông Tiền, sông Hậu: người Việt, người Khmer và người Chăm sống quần tụ bên nhau:

Anh lấy chèo móc quai chèo
Em ở trên bờ cất tiếng dặn:
Anh ơi, anh đừng có ở lâu
E rằng anh đau ốm không ai chăm sóc
Em ơi đừng lo
Khi con giun sống xa đất thì anh mới sống xa em

Qua phà Châu Đốc, trên đường về An Phú, bạn sẽ ngạc nhiên bắt gặp những câu nói, những thành ngữ dí dỏm, lạ đời: "Sáng say/Chiều xin/Tối xà quần".

Say, xin, xà quần là đồng nghĩa: say là của người Việt, xin của người Hoa và xà quần của người Khmer Nam Bộ.

Thật tuyệt vời! Rượu uống chung ly, bốn biển chung nhà! Một ly rượu chia đều cho ba dân tộc!

Sẽ còn nhiều, không biết bao nhiêu điều thú vị nữa, nhưng xin thôi, hẹn bạn ở đất Phương Nam.

Bớ chiếc ghe sau
Chèo mau tôi đợi
Kèo giồng khói đèn
Bờ bụi khó qua

4. Thiết chế âm nhạc

Trên đường Nam tiến mưu sinh, những lưu dân cùng khổ miền Trung mang theo ca Huế, bài chòi, hát bội, hò thai... Những trí thức bất mãn với triều đình thì mang theo Hành Vân, Lưu Thủy, Kim Tiền, Bình bán... Những sắc thái trang nghiêm của âm nhạc cung đình hòa với chất dân dã của bài chòi, xuân nữ cùng tâm trạng của người rời bỏ quê hương: làn điệu vọng cổ đã hình thành.

Những lưu dân giờ đây không còn được quyền làm người quân tử ngồi nhàn nhá từng nốt nhạc trầm sâu trên phím đàn kim, họ tụ họp lại cùng nhau kể ca người hát để vui bớt nỗi lòng người xa xứ, và sáng tạo ra cây đàn sến khoan nhặt, rộn ràng.

Cây đàn sến về sau này hợp cùng cây đàn ghi ta phím lõm và chiếc song lang đã trở thành một bộ tam không thể thiếu trong bất kỳ một ban nhạc tài tử nào!

Dự một buổi hát tài tử, bạn sẽ thấy tính điệu đàn và lịch sự đến tuyệt vời của nó qua tiếng vỗ tay của người thưởng lãm khi ca sĩ hát dứt một câu. Chắc hẳn không có một loại hình âm nhạc nào trên thế giới có nét độc đáo, đáng yêu như vậy!

Hiện tại, chúng ta vẫn nhầm lẫn về chữ vọng cổ. Ở đây, cổ là (tiếng) trống. Vọng cổ là mong được nghe (tiếng) trống, do rút gọn từ “Dạ cổ hoài lang” (Đêm khuya nghe tiếng trống nhớ chồng), chứ không phải là cổ xưa.

Tôi ủng hộ ý kiến của GS Huỳnh Minh Đức: nên gọi chèo, hát bội, cải lương (trong đó có vọng cổ) là quốc nhạc.

Điều đáng nói nhất đối với âm nhạc tài tử là nó không phải chỉ để mua vui, mà chính là nguồn đạo lý ở đời. Vì sao? Vì bản thân nó thoát thai từ nhạc lễ cung đình. Khi vào Nam, thích ứng với môi trường mới, đạo làm người ở đây không có trường để dạy, chỉ có thể truyền qua lời ca, tiếng hát mà thôi. Chức năng giáo dục của âm nhạc đến đây mới thực sự thực hiện trọn vẹn lời dạy của Khổng Tử: “Hứng ư thi, lập ư lễ, thành ư nhạc” (Hứng khởi trước điều thiện là nhờ ở thi ca, đứng vững trước mọi thiện ác là nhờ ở lễ và hàm dưỡng được nội tâm chính đáng trong chiều sâu cung cách làm người, chính là nhờ ở sự hài hòa của âm nhạc).

Chữ thành (trong thành ư nhạc) là hoàn thành, là trọn vẹn. Đó là lý do vì sao người Nam Bộ sống rất chân thành.

5. Thiết chế tín ngưỡng

Khác với những ngôi chùa của Phật giáo Bắc tông ở miền Bắc và miền Trung uy nghiêm, hoành tráng, chùa Nam Bộ ẩn mình trong những rừng cây với kiến trúc mềm mại, chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền văn hóa Phật giáo Nam truyền.

Mỗi ngôi chùa là một rừng cây bát ngát, diện tích rừng lớn gấp mười lần diện tích chùa. Tôi đã đi thăm hầu hết những ngôi chùa - bảo tàng sinh thái như thế ở Nam Bộ. Từ hệ thống chùa bao quanh đô thị, mà những cư dân ở miền này gọi là những lá phổi của thành phố đến những ngôi chùa - nơi nương náu của những loài chim như chùa doi Mahatup nổi tiếng ở Sóc Trăng, chùa cò Trà Cú, chùa Samrông Ek, chùa Hang ở thị xã Trà Vinh...

Ngày nay, trong tiến trình đô thị hóa và nguy cơ hủy diệt môi sinh, hệ thống của nguyên thủy Phật giáo theravada phải chăng là bài học quý giá cho con người biết tìm về nương tựa thiên nhiên. Bài học đã được đức Phật dạy cách đây hai nghìn sáu trăm năm ở vườn Benares: Chỉ khi con người biết thờ phụng là con người đã lớn lên.

Con người xa xưa ấy đã hơn chúng ta rất nhiều bởi họ đã biết thờ phụng cả chim muông, cây cỏ... Bạn sẽ rất ngạc nhiên khi thấy một đứa trẻ không dám treo quần áo của mình trên những cành cây, hướng chỉ là chặt phá, người ngư dân cúi đầu trước mỗi khúc sông trong mùa cúng biển.

Từ dải đất phù sa của bà mẹ thiên nhiên châu thổ, những chiếc thuyền lênh đênh trên sông biển, những chiếc xuồng tam bản luồn sâu vào những khu kinh rạch điệp trùng, con mắt thuyền của cư dân Nam Bộ không phải để dọa nạt cá ngát, cá kình hay trang trí mà để biết mình đang đi đến đâu, đang dừng lại ở đâu...

Có cái ăn, dạy cho con cháu đạo lý làm người và lòng kính tín đối với thiên nhiên..., bản sắc của người Nam Bộ đã hình thành từ đó.

Kết luận

Những đề nghị:

1. Phải tính đến những thiệt hại ở tầm vĩ mô khi làm thay đổi sinh thái tự nhiên của vùng Nam Bộ dẫn đến những thay đổi về bản sắc văn hóa.

2. Không áp đặt những thiết chế văn hóa (vật chất - xã hội, tinh thần - tâm linh) của vùng đất khác vào vùng đặc trưng Nam Bộ.
3. Không thể gìn giữ được bản sắc văn hóa Nam Bộ (trong đó Cần Thơ có vị trí trung tâm) nếu không hiểu tâm tính của đất và người Nam Bộ.
4. Giáo dục là nhân, văn hóa là quả. Cần có một đối sách về giáo dục ở mọi cấp học để cho các thế hệ con cháu thấm nhuần và gìn giữ bản sắc văn hóa của một vùng đất mà tổ tiên đã dày công vun đắp.